TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 99/2026/DS-ST Ngày: 16 - 7 - 2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Huỳnh Anh Huy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Tuyết Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 của về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH M**; Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2024: Bà Phan Nguyễn Kiều K, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

2. Bị đơn: Ông **Phan Quốc Đ**, sinh năm 2005; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà K có mặt, ông Đ vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH M (viết tắt: Công ty): Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn do bà Phan Nguyễn Kiều K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH M hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 25/3/2024, Công ty TNHH M có mua của ông Phan Quốc Đ 01 chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, biển số 63B4-851.32 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Phan Quốc Đ với giá tiền 9.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên có lập hợp đồng mua bán xe đề ngày 25/3/2024, Công ty đã giao đủ tiền cho ông Đ. Sau khi bán xe, ông Đ có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống nên cùng ngày 25/3/2024, Công ty và ông Đ đã lập hợp đồng thuê xe, trong đó có nội dung như sau: Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 25/3/2024 đến ngày 25/5/2024, phí dịch vụ thuê xe là 720.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Ông Đ đã thanh toán số tiền thuê xe từ ngày 25/3/2024 đến ngày 25/5/2024 cho Công ty.

Xe biển số 63B4-851.32 vẫn do ông Đ đứng tên, hai bên thỏa thuận đến ngày 25/5/2024 sẽ làm thủ tục sang tên nhưng ông Đ không thực hiện nên chưa làm thủ tục sang tên cho Công ty. Từ ngày 26/5/2024 đến nay, ông Đ không liên hệ với Công ty để thanh toán tiền thuê xe và cũng không trả lại chiếc xe cho Công ty nên ông Đ đã vi phạm thỏa thuận với Công ty.

Trong đơn khởi kiện, Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Quốc Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, số máy CGA1ID231741, số khung MH8DL11AZLJ231673, biển số 63B4-851.32; Trường hợp phía ông Phan Quốc Đ không trả lại chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, số máy CGA1ID231741, số khung MH8DL11AZLJ231673, biển số 63B4-851.32 cho Công ty TNHH M, thì Công ty TNHH M yêu cầu ông Phan Quốc Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M số tiền mua xe là 9.000.000 đồng và số tiền thuê xe tạm tính từ ngày 26/05/2024 đến ngày 23/12/2024 với số tiền 4.320.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu ông Phan Quốc Đ trả số tiền mua xe biển số 63B4-851.32 đã nhận 9.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0.83%/tháng, kể từ ngày 26/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2026), tính tròn 25 tháng, số tiền lãi là 1.867.500 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi là 10.867.500 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của bị đơn – ông Phan Quốc Đ: Ông Đ đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 223, 430, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp chứng cứ là "Hợp đồng mua bán xe" ngày 25/3/2024 được xác lập giữa Công ty và ông Đ, hợp đồng không công chứng chứng thực. Nội dung hợp đồng thể hiện các bên thỏa thuận về việc công ty mua chiếc xe mô tô biển số 63B4-851.32 từ ông Đ với giá 9.000.000 đồng, sau đó ông Đ thuê lại chiếc xe này với phí thuê 720.000đồng/tháng với thời hạn thuê 02 tháng. Đồng thời, hai bên có thỏa thuận ông Đ có quyền mua lại xe với giá 9.360.000 đồng.

Xét thấy, Công ty đã thanh toán cho ông Đại số tiền mua xe là 9.000.000 đồng vào ngày 25/3/2024. Theo thỏa thuận của các bên, sau thời hạn 02 tháng, tức ngày 25/5/2024, ông Đ có trách nhiệm giao xe và phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký sang tên quyền sở hữu cho Công ty. Tuy nhiên, ông Đ không thực hiện việc giao xe và thủ tục sang tên theo thỏa thuận, chiếc xe vẫn do ông Đ đứng tên chủ sở hữu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở chấp

nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định ông Phan Quốc Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH M. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phan Quốc Đ hoàn trả số tiền đã nhận là 9.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả lãi chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 26/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2026), tính tròn là 25 tháng theo mức lãi suất 0.83%/tháng.

Xét thấy, các bên đã thỏa thuận về thời điểm ông Đ phải giao xe, thực hiện thủ tục sang tên và quyền mua lại xe. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn thỏa thuận (ngày 25/5/2024), ông Đ không thực hiện nghĩa vụ giao xe, sang tên quyền sở hữu cho nguyên đơn theo cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn yêu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi ông Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 9.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 25 tháng = 1.867.500 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Buộc ông Phan Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 9.000.000 đồng nợ gốc và 1.867.500 đồng nợ lãi, tổng cộng là 10.867.500 đồng.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đại chịu số tiền 543.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 223, 430, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Phan Quốc Đ.

Buộc ông Phan Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 9.000.000đồng (chín triệu đồng) nợ gốc và 1.867.500đồng (một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) nợ lãi, tổng cộng gốc và lãi là 10.867.500đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng), phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phan Quốc Đ chịu số tiền 543.000đồng (năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền 330.000đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002015 ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật